

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2015

TỜ TRÌNH

V/v Phân phối lợi nhuận năm 2014,
đề xuất kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2015

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 có hiệu lực thi hành từ 01/07/2015;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 thông qua ngày 11/05/2013;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic.

Hội Đồng Quản Trị Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức thực hiện năm 2014 và kế hoạch năm 2015 như sau:

I. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2014:

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	TỔNG SỐ
I	LỢI NHUẬN SAU THUẾ PHÂN PHỐI	62.328.898.929
1	Quỹ dự phòng tài chính Ghi chú : Chỉ trích thêm 69.309.572 là đủ 10% vốn điều lệ	69.309.572
2	Quỹ thù lao HĐQT, BKS, Ban CV [(I) x 5%]	3.116.444.947
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi [(I) x 22%]	13.712.357.765
4	Cổ tức trả cổ đông	
4.1	Số cổ phiếu đang lưu hành	9.332.573
	- Cổ phiếu cổ đông Nhà nước	4.054.309
	- Cổ phiếu tư nhân	5.278.264
4.2	Mệnh giá cổ phiếu	10.000
	Tỷ lệ trả cổ tức/năm/mệnh giá	24%
4.3	Số cổ tức phải trả cổ đông [(4.1) x (4.2) x 24%]	22.398.175.200
	- Cổ đông Nhà nước	9.730.341.600
	- Cổ đông tư nhân	12.667.833.600
5	Lợi nhuận còn lại trích lập quỹ đầu tư phát triển [(I) - (1) - (2) - (3) - (4.3)]	23.032.611.445

Ghi chú: Thực hiện theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Công ty kết chuyển Quỹ dự phòng tài chính sang Quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 9.263.263.428 đồng.

• **Chi trả cổ tức năm 2014:**

- Tỷ lệ thực hiện 24%/ cổ phần (một cổ phần được nhận 2.400 đồng).
- Tạm ứng kỳ 1 (12/06/2014): tỷ lệ 10%/ cổ phần (một cổ phần được nhận 1.000 đồng).
- Chi trả phần còn lại (11/02/2015): tỷ lệ 14%/ cổ phần (một cổ phần được nhận 1.400 đồng).

II. KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2015:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ	Kế hoạch
1	Lợi nhuận sau thuế (kế hoạch)		53.040.000.000
2	Quỹ thù lao HĐQT, Ban KS	5%	2.652.000.000
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22%	11.669.000.000
4	Tỷ lệ trả cổ tức/năm/mệnh giá	24%	
5	Số cổ tức trả cổ đông		22.398.000.000
6	Lợi nhuận còn lại trích Quỹ ĐTPT		16.321.000.000

Ghi chú:

- Cột STT (4): tỷ lệ trả cổ tức sẽ do HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.



Lê Việt Hùng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2015

TỜ TRÌNH
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU
PHARMEDIC

V/v sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều lệ Công Ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 có hiệu lực thi hành từ 01/07/2015;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 thông qua ngày 11/05/2013.
- Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty theo qui định tại Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 có hiệu lực thi hành từ 01/07/2015, với các nội dung thay đổi như sau:

(*Những nội dung in đậm và gạch dưới được lược bỏ trong Điều lệ cũ và được bổ sung/ thay thế trong Điều lệ mới.*)

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH THEO LUẬT DN 2005	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THEO LUẬT DN 2014 CÓ HIỆU LỰC TỪ 01/7/2015	Tóm tắt thay đổi chính	Căn cứ pháp lý
<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1.2. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số <u>60/2005/QH11</u> được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;</p>	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1.2. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số <u>68/2014/QH13</u> được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p>		
<p>Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</p> <p>1. Công ty được phép lập kế hoạch và <u>tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này</u>, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> <p>2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong <u>các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép</u> và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</p> <p>1. Công ty được phép lập kế hoạch và <u>tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Điều lệ này</u>, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> <p>2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh <u>đối với các ngành nghề không bị pháp luật cấm đầu tư kinh doanh</u> và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>Điểm mới của Luật DN 2014:</p> <ul style="list-style-type: none"> - DN được kinh doanh ngành nghề pháp luật không cấm. - Ngành nghề kinh doanh không thể hiện trên Giấy chứng nhận ĐKKD. 	<p>Khoản 1 Điều 7 và Khoản 1 Điều 28 Luật DN 2014</p>
<p>Điều 11. Quyền của cổ đông</p> <p>2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau :</p> <p>2.1. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực</p>	<p>Điều 11. Quyền của cổ đông</p> <p>2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau :</p> <p>2.1. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực</p>	<p>Bổ sung quy định về tham dự đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện</p>	<p>Khoản 2 Điều 140 Luật DN 2014</p>

<p>hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;</p> <p>3.2 Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại <u>Điều 79 và Điều 97 Luật Doanh nghiệp</u>;</p>	<p>hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa, <u>gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử. Cổ đông có thể tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.</u></p> <p>3.2 Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại <u>Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp</u>;</p> <p><u>4. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trong các trường hợp sau đây:</u></p> <p><u>a) Vi phạm nghĩa vụ người quản lý công ty theo quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp;</u></p> <p><u>b) Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng quản trị;</u></p> <p><u>c) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p><u>d) Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</u></p> <p><u>đ) Sử dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</u></p> <p><u>e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</u></p>	<p>từ</p> <p>Quyền khởi kiện của cổ đông</p>	<p>Khoản 1 Điều 161 Luật DN 2014</p>
<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3.3. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc <u>ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ này;</u></p> <p>3.5. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo <u>Điều 119 Luật Doanh nghiệp</u> hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p>	<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3.3. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc <u>số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ này;</u></p> <p>3.5. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo <u>Điều 160 Luật Doanh nghiệp</u> hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p>	<p>Bổ sung thành viên HĐQT</p> <p>Trách nhiệm của người quản lý công ty</p>	<p>Khoản 3 Điều 156 Luật DN 2014</p> <p>Điều 160 Luật DN 2014</p>

<p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>4.2. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp</u>;</p> <p>4.3. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp</u>.</p>	<p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>4.2. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp</u>;</p> <p>4.3. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp</u>.</p>	<p>Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 136 Luật DN 2014</p>
<p>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2.12. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các Chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>2.15. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại <u>Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp</u> với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p>	<p>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2.12. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các Chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>2.15. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại <u>Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp</u> với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p>		<p>Điểm d Khoản 2 Điều 135 và Điểm d Khoản 1 Điều 144 Luật DN 2014</p>
<p>Điều 16. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi</p>	<p>Điều 16. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 51% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi</p>	<p>Điều kiện để nghị quyết được thông qua</p>	<p>Điều 144 Luật DN 2014</p>

<p>là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p>	<p>là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p>		
<p>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty; cổ đông truy cập trang thông tin điện tử của Công Ty được ghi trong Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông (www.pharmedic.com.vn).</p>	<p>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty; cổ đông truy cập trang thông tin điện tử của Công Ty được ghi trong Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông (www.pharmedic.com.vn).</p> <p><u>Việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trong trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tài tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.</u></p>	<p>Mời họp ĐHĐCĐ</p>	<p>Điều 139 Luật DN 2014</p>
<p>Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ: giảm còn 51% (lần thứ 1), 33% (lần thứ 2)</p>	<p>Điều 141 Luật DN 2014</p>
<p>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng</p>	<p>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng</p>	<p>Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ:</p>	<p>Điều 144 Luật DN 2014</p>

<p>cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>1.1. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>1.2. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;</p> <p>1.3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bỏ nhiệm Tổng giám đốc điều hành.</p> <p>2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).</p>	<p>cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>1.1. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>1.2. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;</p> <p>1.3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bỏ nhiệm Tổng giám đốc điều hành.</p> <p>2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).</p> <p>3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.</p> <p>4. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết</p>	<p>giảm còn 51% với các quyết định thông thường; 65% đối với các quyết định quan trọng. Đối với xin ý kiến bằng văn bản thì tỷ lệ thông qua là 51%</p>
--	--	--

	có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.		
<p>Điều 21. Thăm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</p> <p>Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. <u>Các phiếu lấy ý kiến căn cứ vào chữ ký người nhân trên giấy phát của Bưu điện nhưng Công ty không nhân được hoặc gửi sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến được xem như đồng ý biểu quyết thông qua.</u></p> <p>8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Điều 21. Thăm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:</p> <p>4.1. <u>Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</u></p> <p>4.2. <u>Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</u></p> <p><u>Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</u></p> <p>8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</p> <p>Điều kiện đề nghị quyết được thông qua</p>	<p>Khoản 4 Điều 145 Luật DN 2014</p> <p>Điều 144 Luật DN 2014</p>
<p>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. <u>Việc gửi biên bản có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty và gửi cho cổ đông nếu có yêu cầu. Biên bản Đại hội đồng cổ đông có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác</u> và được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ</p>	<p>Bổ sung qui định có thể gửi Nghị quyết bằng việc đăng tải trên website</p>	<p>Điều 146 Luật DN 2014</p>

	này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.		
<p>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ <u>quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, <u>cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành</u> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ <u>quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ <u>nghị quyết</u> của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, <u>cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp</u> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ <u>nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết</u> của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Điều 147 Luật DN 2014
	<p>Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.</p> <p>2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p> <p>3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 147 Luật doanh nghiệp thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p>	Bổ sung điều khoản mới so với Luật DN 2005	Điều 148 Luật DN 2014
<p>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. <u>Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</u></p>	<p>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. <u>Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị trong từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất 20% tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</u></p> <p>Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 151 Luật doanh nghiệp.</p>	Nhiệm kỳ, số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT	Điều 150 và Điều 151 Luật DN 2014

<p>Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>4.3. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 108 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);</p>	<p>Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>4.3. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);</p>		<p>Khoản 2 Điều 149 và Khoản 3 Điều 162 Luật DN 2014</p>
<p>Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p>	<p>Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p>	<p>Chủ tịch HĐQT</p>	<p>Khoản 1 Điều 152 Luật DN 2014</p>
<p>Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 27 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p> <p>8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần</p>	<p>Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 27 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p> <p>8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần</p>	<p>Cuộc họp Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 153 Luật DN 2014</p>

<p>thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	<p>thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>		
<p>Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.</p>	<p>Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.</p>		Khoản 2 Điều 157 Luật DN 2014
<p>Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</p> <p>Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.</p> <p>4. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	<p>Điều 32. Kiểm soát viên</p> <p>1. Số lượng Kiểm soát viên phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Kiểm soát viên không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.</p> <p>Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban.</p> <p>4. Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p><i>(các điều khoản liên quan tới "thành viên Ban kiểm soát" đều được thay thế bằng cụm từ "Kiểm soát viên" tương ứng).</i></p>	Thay cụm từ "thành viên Ban kiểm soát" bằng "Kiểm soát viên"	Điều 163, Điều 164 Luật DN 2014
<p>Điều 33. Ban kiểm soát</p> <p>1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p>	<p>Điều 33. Ban kiểm soát</p> <p>1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p>	Quyền và nghĩa vụ của BKS	Điều 165 Luật DN 2014

<p>Điều 40. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận:</p> <p>Doanh số của Công Ty sau khi trừ tổng chi phí và các khoản phải nộp cho ngân sách Nhà Nước sẽ thành lãi ròng. Phần lãi ròng này, sau khi đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và bù lỗ cho niên khóa trước nếu có, số còn lại được qui ra 100% được phân phối như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập quỹ dự trữ pháp định cho đến khi lên đến 10% vốn điều lệ: 5 % - Thù lao và thưởng các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát: 5 % - Lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho cán bộ công nhân viên: 22 % - Chia lãi cổ đông (cổ tức) và lập quỹ đầu tư phát triển: 68 % <p><u>Chia ra:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> + Chia lãi cổ đông (cổ tức) <p>Theo đề nghị của Hội Đồng Quản Trị, Đại Hội Đồng Cổ Đông hàng năm biểu quyết thông qua tỷ lệ phần trăm (%) mức chia lãi cổ đông (cổ tức).</p> <ul style="list-style-type: none"> + Số còn lại chuyển vào quỹ đầu tư phát triển. <p>Trong niên khóa kinh doanh, nếu tình hình tài chính cho phép, Hội Đồng Quản Trị tạm ứng một kỳ cổ tức để chia cho cổ đông và tùy tình hình thực tế phát sinh sẽ thanh toán phần cổ tức còn lại cho cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên biểu quyết thông qua.</p>	<p>Điều 40. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận:</p> <p>Doanh số của Công Ty sau khi trừ tổng chi phí và các khoản phải nộp cho ngân sách Nhà Nước sẽ thành lãi ròng. Phần lãi ròng này, sau khi đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và bù lỗ cho niên khóa trước nếu có, số còn lại được qui ra 100% được phân phối như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thù lao và thưởng các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát: 5 % - Lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho cán bộ công nhân viên: 22 % - Chia lãi cổ đông (cổ tức) và lập quỹ đầu tư phát triển: 73 % <p><u>Chia ra:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> + Chia lãi cổ đông (cổ tức) <p>Theo đề nghị của Hội Đồng Quản Trị, Đại Hội Đồng Cổ Đông hàng năm biểu quyết thông qua tỷ lệ phần trăm (%) mức chia lãi cổ đông (cổ tức).</p> <ul style="list-style-type: none"> + Số còn lại chuyển vào quỹ đầu tư phát triển. <p>Trong niên khóa kinh doanh, nếu tình hình tài chính cho phép, Hội Đồng Quản Trị tạm ứng một kỳ cổ tức để chia cho cổ đông và tùy tình hình thực tế phát sinh sẽ thanh toán phần cổ tức còn lại cho cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên biểu quyết thông qua.</p>	<p>DN không tiếp tục trích Quỹ dự phòng tài chính và chuyển số dư sang Quỹ đầu tư phát triển</p>	<p>Mục d Khoản 1 Điều 70 Thông tư 200/2014 /TT-BTC về hướng dẫn chế độ kế toán DN</p>
<p>Điều 47. Con dấu</p> <p>1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.</p> <p>2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>Điều 47. Con dấu</p> <p>1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định <u>hình thức, số lượng và nội dung con dấu của Công ty. Mẫu con dấu được thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và được khắc theo quy định của luật pháp.</u></p> <p>2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc <u>quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</u></p>	<p>Con dấu của doanh nghiệp</p>	<p>Điều 44 Luật DN 2014</p>
<p>Điều 53. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 53 điều được Đại hội đồng cổ đông Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic nhất trí thông qua ngày 11 tháng 5 năm 2013 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 và <u>củng cố chấp thuận hiệu lực Toàn văn của Điều lệ này.</u></p>	<p>Điều 53. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 53 điều được Đại hội đồng cổ đông Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic nhất trí thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2015 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015. <u>Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2015.</u></p>	<p>Hiệu lực của Điều lệ : Quy định Điều lệ sửa đổi có hiệu lực khi Luật DN 2014 có hiệu lực (01/07/2015)</p>	<p>Khoản 1 Điều 212 Luật DN 2014</p>

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ.

Trân trọng cảm ơn.



Lê Việt Hùng

Số: 18 /QĐ-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 04 năm 2015

PHỤ LỤC SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

(Đã được thông qua Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản ngày 25/03/2015)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược Liệu Pharmedic được Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2013 thông qua ngày 11/5/2013;
- Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic ngày 22/01/2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày 25/03/2015 thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

Thông qua sửa đổi, bổ sung Khoản 3, Điều 4 Điều lệ hiện hành của Công ty về bổ sung ngành nghề kinh doanh :

1. Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh.
2. Sản xuất thực phẩm khác chưa phân vào đâu
3. Bán buôn thực phẩm khác chưa phân vào đâu
4. Bán lẻ thực phẩm khác chưa phân vào đâu
5. Kiểm tra và phân tích kỹ thuật
6. Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh
7. In ấn
8. Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu
9. Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
10. Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng
11. Sản xuất các hóa chất cơ bản
12. Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
13. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu

Phụ lục sửa đổi bổ sung điều khoản trong Điều lệ có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Các điều khoản khác trong Điều lệ vẫn giữ nguyên giá trị và hiệu lực pháp lý.



Lê Việt Hùng